



We create chemistry

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hợp Trí
xác nhận:
phiên bản 7.0 (05.08.2021) là bản
hiện hành mới nhất



Nguyễn Thị Kim Hoa

Ngày xác nhận: 26/04/2023

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/12

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Fendona® 10 SC

Sử dụng: Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, Chế phẩm diệt côn trùng dùng trong lĩnh vực Gia dụng và Y tế

Công ty:

BASF Agro B.V. Arnhem (NL) Freienbach Branch
Huobstrasse 3
8808 Pfäffikon SZ
SWITZERLAND

Địa chỉ liên lạc:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 11, Tòa nhà Saigon Trade Center, số 37,
Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Độ độc cấp tính: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Cat. 1

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



Cảnh báo:
 Cảnh báo

Cảnh báo nguy cơ:

H303 Có thể nguy hại khi nuốt phải.
 H400 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
 H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P101 Nếu cần tư vấn y tế, nên đem theo hộp đựng hay nhãn sản phẩm.
 P102 Tránh xa tầm tay trẻ em.
 P103 Đọc nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

Biện pháp phòng ngừa:

P262 Không cho vào mắt, trên da hay trên áo quần.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P301+P312 KHI NUỐT PHẢI: Liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
 P391 Thu gom tràn đổ.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501 Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Có thể gây cảm giác khác thường. Alphacypermethrin technical

Có thể tạo ra phản ứng mẫn cảm/ dị ứng. Bao gồm: 1,2-BENZISOTHIAZOL-3(2H)-ONE

3. Thông tin về thành phần các chất

Bản chất của hoá chất

Sản phẩm bảo vệ mùa vàng, Chế phẩm diệt côn trùng dùng trong lĩnh vực Gia dụng và Y tế, cô đặc chất lơ lửng (SC)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Thành phần nguy hại

Alphacypermethrin technical

Hàm lượng (W/W): 9.6 %
 Số CAS: 67375-30-8

Acute Tox.: Cat. 4 (Hô hấp - bụi)
 Acute Tox.: Cat. 3 (tiếp xúc miệng)
 Skin Corr./Irrit.: Cat. 3
 STOT SE: Cat. 3 (kích ứng hệ hô hấp)
 STOT RE (Hệ thần kinh): Cat. 2
 Aquatic Acute: Cat. 1
 Aquatic Chronic: Cat. 1
 M- nhân tố cấp tính: 10000
 M- nhân tố mãn tính: 1000

| 1,2-benzisothiazol-3(2H)-one

Hàm lượng (W/W): < 0.05 %
 Số CAS: 2634-33-5

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)
 Skin Corr./Irrit.: Cat. 2
 Eye Dam./Irrit.: Cat. 1
 Skin Sens.: Cat. 1
 Aquatic Acute: Cat. 1
 Aquatic Chronic: Cat. 1
 M- nhân tố cấp tính: 1
 M- nhân tố mãn tính: 1

propane-1,2-diol

Hàm lượng (W/W): < 20 %
 Số CAS: 57-55-6

4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:
 Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:
 Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:
 Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:
 Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:
 Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

05/08/2021
 C
 H
 H
 H

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Phun nước, bột, bột khô, cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:

carbon monoxide, hydrogen chloride, hydrogen cyanide, carbon dioxide, hydrogen bromide, các oxit nitơ, các hợp chất cloric hữu cơ, phosphorus oxides, xyanua, các oxit sulfur

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa. Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức.

6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

Không hít thở hơi/bụi nước Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào tầng đất nền/đất. Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát)

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bản với nước và chất tẩy vết bản, tuân thủ các quy định về môi trường.

7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm không phải là chất nổ. Chất/sản phẩm không cháy. Không cần thiết cảnh báo đặc biệt.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật
 Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:
 Thời gian lưu trữ: 60 Months

Nhiệt độ bảo quản không thấp hơn: -10 °C
 Những thay đổi các thuộc tính của sản phẩm có thể xảy ra nếu chất/sản phẩm được cất trữ dưới nhiệt độ cho trước trong thời gian kéo dài.
 Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C
 Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhânThiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:
 Yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ tay:
 Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN ISO 374-1) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN ISO 374-1) : Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:
 Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:
 Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:
 Những công bố về thiết bị bảo hộ cá nhân trong các hướng dẫn sử dụng áp dụng khi xử lý các tác nhân bảo vệ mùa màng trong các bao bì tiêu dùng cuối cùng. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc. Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	Màu trắng
Mùi:	Đặc trưng
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Giá trị pH:	tương đương 6 - 8 (5 %(m), 25 °C)	
Nhiệt độ nóng chảy:	Sản phẩm không được thí nghiệm.	
nhiệt độ sôi:	tương đương 100 °C Thông tin áp dụng đối với dung môi.	
Điểm chớp cháy:	Không dễ cháy.	(ISO 2719)
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	Dựa trên cấu trúc hay thành phần hóa chất, sản phẩm không cho thấy đặc tính dễ cháy.	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.	
Nhiệt độ tự cháy:	không được xác định	
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Nguy cơ nổ:	không nổ	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	tương đương 23 hPa (20 °C) Thông tin áp dụng đối với dung môi.	
Tỷ trọng:	tương đương 1.04 g/cm ³ (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng	
Tính tan trong nước:	có thể phân tán	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):
không áp dụng

Tính nhớt, động lực: tương đương 103 - 171 mPa.s
(25 °C, 10 1/s)

Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất:
Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:
Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân hủy do nhiệt: Không phân hủy nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:
các chất bazơ mạnh, các axit mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độ độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:
độc tính thấp sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Hầu như không độc khi hít phải.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50 chuột (miệng): 4,932 mg/kg

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 5.5 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)
Thí nghiệm sol khí.

LD50 chuột (da): > 2,000 mg/kg
Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Ăn mòn/Kích ứng da thô:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thô:

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có bằng chứng cho thấy khả năng gây mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang:

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Thí nghiệm đột biến cho thấy không có khả năng độc tính gen. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả từ các nghiên cứu khác nhau trên động vật không cho thấy sự hiện diện của tác nhân gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):

Đánh giá của STOT riêng:

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Việc tiếp xúc qua miệng nhiều lần có thể gây ảnh hưởng đến các cơ quan trong cơ thể. Gây tổn hại hệ thống dây thần kinh ngoại biên.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.
 Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

12. Thông tin về sinh thái

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:
 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.
 Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
 Độc với loài cá:
 LC50 (96 h) 0.00093 mg/l, Pimephales promelas (OPP 72-1 (Hướng dẫn -EPA), Chảy qua.)

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
 Loài không xương sống thủy sinh:
 EC50 (48 h) 12,6 ng/l, Chironomus riparius

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
 Thực vật thủy sinh:
 EC50 (7 d) > 0.00139 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Lemna gibba (Hướng dẫn OECD 201)

Nồng độ tác động không quan sát được (7 d) > 0.00139 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), Lemna gibba (OCED_Hướng dẫn 221, tĩnh điện)

EC50 (72 h) > 0.027 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), (Hướng dẫn OECD 201)

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
 Độc mãn tính cho loài cá:
 Nồng độ tác động không quan sát được (34 d) 0,03 µg/L, Pimephales promelas (OPP 72-4 (EPA-Hướng dẫn), Chảy qua.)

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
 Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
 Nồng độ tác động không quan sát được (21 d), 0,03 µg/L, Daphnia magna (OPP 72-4 (EPA-Hướng dẫn), bán tĩnh)

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Sau khi tiếp xúc với đất, hoá chất sẽ bị hấp thụ vào trong các hạt đất, do đó không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):
Không thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Alphacypermethrin technical
Khả năng tích lũy sinh học:
Yếu tố nồng độ sinh học: 155 - 910 (73 d), cá chép Cyprinus (OECD hướng dẫn 305 C)

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

13. Thông tin về thải bỏ

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển nội địa:
Nhóm đóng gói: III
Số ID: UN 3082
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
 Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID,
 N.O.S. (contains ALPHA-CYPERMETHRIN)

Vận tải đường thủy

IMDG

Nhóm đóng gói: III
 Số ID: UN 3082
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
 Ô nhiễm hàng hải: CÓ
 Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains ALPHA-CYPERMETHRIN)

Sea transport

IMDG

Packing group: III
 ID number: UN 3082
 Transport hazard class(es): 9, EHSM
 Marine pollutant: YES
 Proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains ALPHA-CYPERMETHRIN)

Vận tải hàng không

IATA/ICAO

Nhóm đóng gói: III
 Số ID: UN 3082
 Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
 Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains ALPHA-CYPERMETHRIN)

Air transport

IATA/ICAO

Packing group: III
 ID number: UN 3082
 Transport hazard class(es): 9, EHSM
 Proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains ALPHA-CYPERMETHRIN)

Thông tin bổ sung

Các quy định sau đây có thể áp dụng cho sản phẩm trong các gói chứa số lượng ròng từ 5 L trở xuống ADR, RID, ADN: Điều khoản đặc biệt 375; JT/T617.3; IMDG: 2.10.2.7; IATA: A197; TDG: Điều khoản đặc biệt 99 (2); 49 CFR: §171.4 (c) (2).

15. Thông tin về pháp luật

Thành phần quyết định mối nguy hiểm cho việc dán nhãn: Alphacypermethrin technical

Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật hóa chất.

- Nghị định 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các thông tư hướng dẫn liên quan, cũng như các quy định thay thế (nếu có). - Nghị định 42/2020/NĐ-CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.

- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Khi có bất cứ văn bản pháp luật mới thay thế, chúng tôi sẽ tự động kiểm và cập nhật các thông tin, dữ liệu của phiếu An toàn hóa chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 05.08.2021
Sản phẩm: **Fendona® 10 SC**

Phiên bản: 7.0

(30221413/SDS_CPA_VN/VI)

Ngày in 06.08.2021

Đối với người sử dụng sản phẩm bảo vệ thực vật này áp dụng: 'Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, tuân theo các hướng dẫn sử dụng.' (Chỉ thị 1999/45/EC, Điều khoản 10, No. 1.2)

16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.